

Mười vấn đề kinh tế vĩ mô năm 2008

ĐỖ VĂN THÀNH,
PHẠM THỊ THU TRANG

1. Tăng trưởng kinh tế giảm sút

Tăng trưởng GDP nhìn từ phía cầu

Năm 2008, tốc độ tăng trưởng tích lũy tài sản cố định, tiêu dùng cuối cùng, xuất khẩu ròng đều giảm so với năm 2007. Tăng trưởng tích lũy tài sản giảm mạnh, giảm 20,3 điểm %. Tiêu dùng chính phủ giảm 1,4 điểm %; tiêu dùng tư nhân cũng giảm 2,7 điểm %. Xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ chỉ tăng 5,6%. Những suy giảm ấy bắt nguồn từ một số nguyên nhân:

Thứ nhất, tiêu dùng tư nhân tăng chậm: Tiêu dùng tư nhân thể hiện rõ nhất qua chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ năm 2008 so với năm 2007 là 31%. Nếu loại trừ tăng trưởng về giá, tăng trưởng về lượng cả năm là 6,5%, bằng 1/2 tốc độ tăng 13,3% của năm 2007.

Thứ hai, chi tiêu Chính phủ giảm: Hai trong số 8 nhóm giải pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô mà Chính phủ đề ra tháng 4/2008 là nâng cao hiệu quả chi tiêu công và triệt để tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng. Chính sách này đã đạt được những thành công nhất định. Số tiền tiết kiệm chi thường xuyên thuộc ngân sách nhà nước năm 2008 ước khoảng 2.700 tỷ đồng. Có 1968 dự án bị hoãn khởi công hoặc dừng triển khai với tổng vốn 5.992 nghìn tỷ. Năm nhăm (55) tập đoàn, tổng công ty đã cắt giảm, hoãn khởi công, dừng triển khai, dẫn tiến độ 1.145 dự án với tổng giá trị 31 nghìn tỷ đồng.

Thứ ba, tăng trưởng vốn đầu tư giảm: Theo giá hiện hành thì vốn

Năm 2008 đã đi qua với nhiều diễn biến kinh tế phức tạp, trái ngược với diễn biến của các năm trước đó. Kinh tế Việt Nam đã không giữ được đà tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2008 ước đạt 6,23%, thấp hơn tốc độ 8,48% của năm 2007, thấp hơn so với kế hoạch đã điều chỉnh của năm 2008 là 7%.

đầu tư toàn xã hội năm 2008 ước đạt 637,3 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2% so với năm 2007. Tuy nhiên, sau khi loại trừ yếu tố giá, vốn đầu tư phát triển xã hội năm 2008 thực tế chỉ tăng 7,67%, bằng 1/3 tốc độ tăng vốn thực tế của năm 2007 là 25,6%.

Thứ tư, nhập siêu cả năm tăng: Năm 2008, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 80,4 tỷ USD; nhập siêu 17,5 tỷ USD. Đồ thị 1 cho thấy năm 2008 có mức nhập siêu kỷ lục. Tỷ lệ nhập siêu trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá cũng cao nhất trong nhiều năm qua, chiếm tới 27,8% kim ngạch hàng hoá xuất khẩu.

Xuất khẩu gặp khó khăn do sự thu hẹp của hầu hết các thị trường tiêu thụ, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản. Từ tháng 9/2008, kim ngạch xuất khẩu bắt đầu suy giảm và xu hướng này tiếp tục tới tháng 11. Xuất khẩu hàng hoá tháng 12/2008 tăng sau 3 tháng giảm liên tiếp. Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2008 tăng 29,5% so với năm 2007, tăng cao nhất từ năm 2005. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu về lượng chỉ là 13,5%, thấp hơn năm 2006 và 2007.

Tăng trưởng của các ngành kinh tế nhìn từ phía cung

Cả năm 2008, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội là 6,23%, giá trị tăng thêm của khu vực nông-lâm-thủy sản tăng trưởng 3,79%, tăng

0,39 điểm % so với năm 2007. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ đều giảm. Mặc dù tăng trưởng hai khu vực trên đều giảm nhưng khu vực công nghiệp-xây dựng có mức giảm sút lớn hơn.

Khu vực nông-lâm-thủy sản: Từ năm 2007 trở về trước, trong khu vực nông-lâm-thủy sản, tỷ trọng ngành nông nghiệp có xu hướng giảm, ngành thủy sản tăng. Sang năm 2008, ngược lại, tỷ trọng ngành nông nghiệp tăng, ngành thủy sản giảm. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng mạnh (từ 2,34% năm 2007 lên 3,58% năm 2008) do: sản xuất được mùa, sản lượng lương thực năm 2008 tăng cao nhất từ năm 2005 và giá lương thực năm 2008 tăng ở mức khá cao. Giá trị tăng thêm ngành thủy sản giảm (từ 10,38% xuống 5,44%) do: Giá các đầu vào (giá đầu vào phục vụ đánh bắt, giá thức ăn chăn nuôi, đặc biệt là xăng dầu ở những tháng đầu năm) tăng, giá bán sản phẩm giảm, tiêu thụ khó khăn.

Khu vực công nghiệp-xây dựng: Bước vào năm 2008, sản xuất công nghiệp-xây dựng gặp nhiều khó khăn. Giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp-xây dựng giảm tới 4,27 điểm % so với năm 2007 do tốc độ tăng trưởng của các ngành đều giảm sút, đặc biệt giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp khai thác giảm xuống còn 3,83% và của ngành xây dựng giảm còn 0,23%, rất thấp so

với mức tăng 12,1% của năm 2007.

Khu vực dịch vụ: Tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ sụt giảm xuất phát từ cầu trong nước và quốc tế. Trong nước: tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong những năm gần đây (sau khi đã loại trừ yếu tố tăng giá) so với năm trước liên tục cao ở mức hai chữ số và cao hơn nhiều so với tốc độ tăng GDP (năm 2003 tăng 15,3%, năm 2004 tăng 10,8%, năm 2005 tăng 11,3%, năm 2006 tăng 15,5%, năm 2007 tăng 13,3%). Tốc độ tăng cao như vậy là sức hút các nhà đầu tư nhưng nó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho lạm phát cũng như nhập siêu gia tăng. Tuy nhiên, năm 2008 do chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ nên cung tiền hạn chế, người dân cắt giảm chi tiêu làm cầu trong nước về dịch vụ giảm...

2. Tăng trưởng vốn đầu tư giảm

Cả năm 2008, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện được 637,3 nghìn tỷ đồng, tăng 22,2% so với năm trước, vượt xa tốc độ tăng 15,8% của năm 2007. Tuy nhiên, sau khi loại trừ yếu tố tăng giá, tăng trưởng tổng vốn đầu tư phát triển năm 2008 là 7,67% thấp hơn nhiều so với mức tăng (sau khi trừ đi tốc độ tăng giá vốn đầu tư) của năm 2007 là 25,6%.

Vốn FDI tăng mạnh, đạt tốc độ 46,9% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng tổng vốn đầu tư xã hội. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước giảm 11,4%, do chính sách thắt chặt tài khoá vừa qua của Chính phủ. Nếu trong 9 tháng đầu năm 2008, vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước giảm so với cùng kỳ năm trước thì đến hết cả năm, số vốn này đã tăng 42,7% so với năm 2007. Như vậy, trong 3 tháng cuối năm, nhờ chính sách nới lỏng tiền tệ, lãi suất cơ bản cũng như lãi suất cho vay của các ngân hàng đã giảm, cơ hội tiếp cận vốn của doanh nghiệp được cải

thiện, đầu tư tăng mạnh.

Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội trên GDP là 43,1%, trong khi năm 2007 là 45,6%. Như vậy, tỷ lệ vốn đầu tư trên GDP năm 2008 đã suy giảm so với năm 2007. Nguyên nhân của sự suy giảm này do vốn nhà nước giảm do chính sách thắt chặt tài khoá và nâng cao hiệu quả đầu tư công.

3. Thu hút vốn FDI đạt kỷ lục

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế Mỹ ảnh hưởng tới toàn cầu, việc thu hút vốn FDI vào Việt Nam vẫn đạt được những kết quả khả quan. Trong năm 2008, đã có 1171 dự án đăng ký mới với tổng số vốn cao kỷ lục là 60,3 tỷ USD.

Vốn FDI thực hiện là 11,5 tỷ USD, bằng 15,6% vốn đăng ký. Ước tính, cả năm 2008, vốn FDI đăng ký mới và tăng vốn khoảng 64 tỷ USD. Đây được coi là điểm sáng trong bức tranh tổng thể của nền kinh tế, tuy tỷ lệ giải ngân vốn FDI chỉ đạt 19,1%, mức thấp nhất trong 8 năm trở lại đây (xem Đồ thị).

Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ đánh giá lại chiến lược kinh doanh. Nhiều dự án đã cấp phép sẽ dần tiến độ, thu hẹp quy mô hoặc không thực hiện được. Do đó, năm 2009, lượng vốn FDI đầu tư vào nước ta sẽ giảm nhưng giải ngân vốn FDI có thể vẫn sẽ tăng do các nhà đầu tư cần phải

thực hiện các dự án đã đăng ký.

4. Thâm hụt thương mại ở mức cao

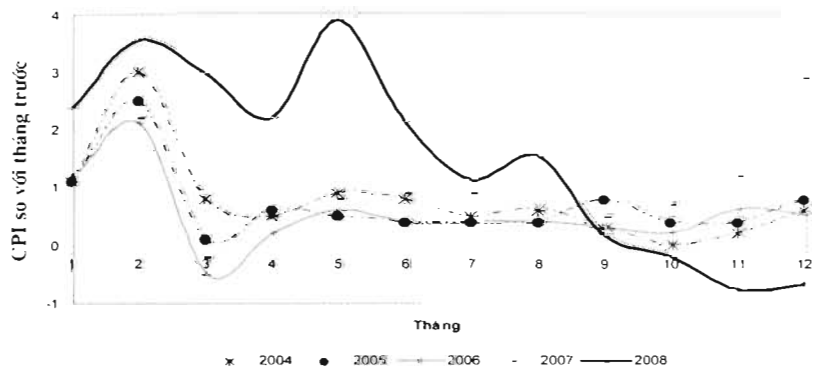
Thâm hụt thương mại cả năm 2008 khoảng 17,5 tỷ USD, tương đương 27,8% kim ngạch xuất khẩu. Đây là mức thâm hụt thương mại đáng báo động và cao hơn nhiều so với các năm trước.

Giá cả của nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới lên xuống thất thường

Trong nửa đầu năm 2008, giá của các loại nguyên, nhiên, vật liệu trên thế giới biến động rất lớn tăng trên dưới 10%, đặc biệt là dầu thô, tăng 31%; các sản phẩm hóa dầu như phân bón tăng 27,4%. Giá của nhiều mặt hàng nhập khẩu vào Việt Nam cũng tăng rất mạnh trong như giá xăng dầu tăng 64,5%, sắt thép tăng 50,0%, phôi thép tăng 96,0%, phân bón tăng 113%, bông các loại tăng 28,5%... khiến kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh, thâm hụt thương mại ở mức rất cao, tỷ lệ thâm hụt thương mại trên kim ngạch xuất khẩu từ tháng 2 đến tháng 5 là trên dưới 50%.

Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, giá các loại nguyên liệu cơ bản như xăng dầu, phôi thép, phân bón,... giảm mạnh. Đây là yếu tố đã hạn chế phần nào tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu, từ đó giảm bớt thâm hụt thương mại.

Chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong 5 năm gần đây (tháng trước = 100)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhập khẩu phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu

Trong năm 2008, tăng trưởng nhập khẩu về lượng là 21,4%. Nhập khẩu ô tô nguyên chiếc tăng 68,0%, phối thép tăng 13,1%, bông tăng 38,7%, phân urê tăng 3,7%. Điều này cho thấy nhu cầu của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng làm tăng kim ngạch nhập khẩu.

5. Lạm phát tăng cao

Lạm phát năm 2008 tăng 19,98% so với tháng 12 năm 2007, cao nhất kể từ năm 1992 trở lại đây. Thêm vào đó, diễn biến CPI các tháng trong năm 2008 có nhiều ngoại lệ.

Thứ nhất, mức tăng CPI tháng 1/2008 là mức cao nhất so với cùng kỳ trong 5 năm trở lại đây. Trên nền giá cả năm 2007 đã tăng rất cao, mức tăng đột biến này mở đầu cho đợt tăng CPI lịch sử trong nhiều năm qua.

Thứ hai, năm 2008 là năm vừa có tháng có mức tăng CPI cao nhất vừa có tháng có mức tăng CPI thấp nhất. Biên độ dao động chỉ số CPI giữa tháng cao nhất và thấp nhất là 4,32 điểm %, cao nhất kể từ năm 1995 trở lại đây¹.

Thứ ba, biến động của CPI các tháng trong năm 2008 không tuân theo quy luật thông thường là tăng cao vào tháng có Tết Nguyên đán, sau đó giảm và tăng lại vào những tháng cuối năm. Chỉ số CPI năm 2008 tuy cũng tăng cao vào tháng 2 và giảm vào tháng 3-4, lại tăng đạt mức đỉnh vào tháng 5, sau đó giảm cho đến cuối năm (thậm chí tốc độ CPI là âm trong 3 tháng cuối năm).

Với diễn biến trái với thông lệ, lạm phát 2008 chia rõ rệt thành hai giai đoạn: giai đoạn lạm phát cao (6 tháng đầu năm) và giai đoạn lạm phát thấp (6 tháng cuối năm). Bên cạnh việc chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ đã có tác dụng, nguyên

nhân của bất thường này còn là do ảnh hưởng của xu thế lạm phát và suy giảm toàn cầu. Những tháng đầu năm giá cả thế giới tăng cao gây ra tình trạng lạm phát trên quy mô toàn cầu. Hàng loạt biện pháp thắt chặt tiền tệ nhằm hạn chế lạm phát được thực hiện đã làm cho tăng trưởng thế giới suy giảm² và tăng trưởng của nhiều quốc gia EU, Mỹ, Trung Quốc... đều giảm. Sang nửa sau của năm, cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ lan rộng ra phạm vi toàn cầu, giá cả của hàng loạt hàng hoá quan trọng giảm mạnh, kinh tế nhiều nước đình trệ và nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới ngày càng bộc lộ rõ.

6. Lãi suất và tỷ giá biến động bất thường

Lãi suất biến động chuta từng có

Tính chung cả năm, NHNN đã 3 lần tăng và 5 lần giảm lãi suất cơ bản cũng như lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu. Lần đầu tiên kể từ năm 2005, ngày 1/2/2008 lãi suất cơ bản được tăng từ 8,25% lên 8,75%. Ngày 19/5, NHNN quy định lãi suất cơ bản là cơ sở xác định lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại (lãi suất trần không quá 150% lãi suất cơ bản), cùng ngày lãi suất cơ bản được điều chỉnh tăng lên mức 12%. Lãi suất cơ bản được điều chỉnh tăng cao nhất vào ngày 11/6 (14%). Ngày 21/10, NHNN điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản xuống còn 13%. Trong vòng hai tháng, lãi suất cơ bản đã 5 lần được điều chỉnh giảm. Kết thúc năm 2008, lãi suất cơ bản là 8,5% (từ ngày 22/12).

Lãi suất huy động VND cũng biến động mạnh nhất từ trước tới nay. Lãi suất bùng phát trong tháng 5 và tăng cao nhất trong tháng 6. Lãi suất kỷ lục trên thị trường liên ngân hàng tới 43%/năm. Tại thời điểm này, hoạt động cho vay của nhiều ngân hàng thương mại cầm chừng, doanh nghiệp vay vốn gặp khó khăn về lãi suất cao và khả năng tiếp cận vốn, tăng trưởng tín

dụng thấp nhất trong năm (liên tục tăng dưới 1%/tháng). Từ cuối tháng 7, cùng với cơ chế cho vay mới và hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước với nguồn vốn khả dụng của hệ thống tăng mạnh, lãi suất trên thị trường bắt đầu giảm. Đặc biệt từ tháng 9 đến cuối năm, với điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất huy động và cho vay liên tục giảm. Kết thúc năm 2008, lãi suất huy động VND giảm còn khoảng 8%/năm và lãi suất cho vay tối đa từ trên 20%/năm về còn 12,75%/năm.

Tỷ giá USD/VND biến động bất thường

Năm 2008 là năm đặc biệt của sự biến động tỷ giá và thay đổi cơ chế điều hành. So với cuối năm 2007, tỷ giá USD/VND mua vào - bán ra của các ngân hàng thương mại đã tăng khoảng 9% so với thay đổi khoảng 1% những năm trước. Tỷ giá năm 2008 diễn biến qua 4 giai đoạn.

Giai đoạn 1 (3 tháng đầu năm): Tỷ giá liên tục giảm, dưới mức sàn do kiều hối tăng và nhà đầu tư đẩy mạnh bán USD.

Giai đoạn 2 (từ 26/03 - 16/07): Cơ sở USD trên thị trường, có một số ngày tỷ giá USD/VND tăng kỷ lục (19.400 đồng/USD, ngày 18/06) mà nguyên nhân là do đầu cơ, do cấu ngoại tệ của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu tăng và do một số nhà đầu tư nước ngoài tăng rút vốn ngoại tệ vì lo ngại kinh tế bất ổn và tính thanh khoản của thị trường thấp. Bên cạnh đó, cung ngoại tệ hạn chế do NHNN không cho doanh nghiệp xuất khẩu vay ngoại tệ.

Giai đoạn 3 (từ 17/07 - 15/10): Tỷ giá giảm mạnh và dần đi vào bình ổn. NHNN công khai dự trữ ngoại hối quốc gia và ban hành các chính sách bình ổn thị trường ngoại tệ nên cơ sở USD đã được chặn đứng, tỷ giá giảm mạnh từ

19.400 đồng/USD xuống 16.400 đồng/USD và giao dịch bình ổn quanh mức 16.600 đồng trong giai đoạn từ tháng 8 - tháng 11.

Giai đoạn 4 (từ 16/10/2008 - 8/11/2009): Tỷ giá USD tăng trở lại. Tỷ giá tăng đột ngột từ 16.600 lên 16.998 sau đó giảm nhẹ. NHNN tăng biên độ tỷ giá từ 2% lên 3% (7/11/2008) tỷ giá tăng tới mức 17.440 đồng/USD. Nguyên nhân là nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh việc bán ra chứng khoán trong tháng 10-12; nhu cầu mua ngoại tệ của khối nhà đầu tư nước ngoài cũng như các ngân hàng nước ngoài tăng cao; cầu USD trên thị trường tự do tăng cao.

7. Thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản

Thị trường chứng khoán đi xuống

Sau 8 năm đi vào hoạt động, năm 2008, thị trường chứng khoán Việt Nam mất điểm kỷ lục, mất 66,7% (từ mức 927,02 điểm vào cuối năm 2007 xuống chỉ còn 315,62 điểm vào cuối năm 2008). Đa số các cổ phiếu giảm giá, quy mô thị trường thu hẹp, tính thanh khoản có xu hướng giảm dần.

Thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh do một số nguyên nhân như chính sách thắt chặt tiền, khó khăn của nền kinh tế và do áp lực giải chấp và thoái vốn của các công ty và định chế tài chính trong nước và nhà đầu tư nước ngoài làm mất cân bằng cung cầu, hậu quả là giá giảm.

Thị trường bất động sản trầm lắng

Cuối năm 2007, đầu năm 2008, giá nhà đất tăng cao chưa từng thấy. Tại Đông Nam Bộ giá nhà đất tăng bình quân 300%, thậm chí có nơi tới 500%. Nhưng cuối năm giá nhà đất liên tục đi xuống, giao dịch ảm đạm. Đặc biệt sau khi Chính phủ ban hành chính sách thắt chặt tài chính - tiền tệ, các nhà đầu tư khó tiếp cận nguồn vốn, lãi

suất huy động tăng, thị trường bắt đầu xuất hiện làn sóng tháo chạy, kéo giá nhà đất liên tục sụt giảm và với tốc độ sụt giảm ngày càng gia tăng. Đồng thời, các ngân hàng gần như ngừng cho vay bất động sản, khiến các dự án liên quan đến bất động sản gần như đóng băng. Sau 6 tháng liên tục giảm giá, đến cuối năm 2008 nhà đất trên thị trường đã mất giá bình quân 50% giá trị so với lúc đỉnh điểm cơn sốt. Bên cạnh giá cả, lượng giao dịch trên thị trường rất nhỏ.

8. Tình hình sản xuất-kinh doanh của doanh nghiệp

Theo Báo cáo điều tra của VCCI, tăng trưởng trung bình của các doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2008 đạt 10,9%, được đánh giá là khá tốt so với năm 2007 (5%). Kết quả này có được chủ yếu là do thừa hưởng đà tăng trưởng từ năm 2007 và việc các doanh nghiệp lớn ít bị ảnh hưởng từ những rủi ro kinh tế.

Tuy nhiên, trong năm 2008, doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn lớn do lạm phát trong nước tăng cao, khủng hoảng tài chính Mỹ lan rộng gây suy thoái kinh tế toàn cầu, tỷ giá ngoại tệ biến động thất thường ảnh hưởng xấu đến hoạt động xuất, nhập khẩu; giá đầu vào và chi phí sản xuất tăng, doanh nghiệp gặp khó khi mua, vay hay chuyển đổi VND và USD. Lãi suất vay vốn và giá cả hàng hoá biến động khiến nhiều doanh nghiệp hoạt động cầm chừng và tồn đọng hàng hoá. Sức cạnh tranh của doanh nghiệp vừa và nhỏ còn yếu.

9. Thu nhập và mức sống dân cư

Tổng sản phẩm quốc nội năm GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 17,162 triệu đồng/người, tương ứng với mức 1.024 USD/người (tỷ giá là 16.800 đồng/USD), tăng 189 USD so với năm 2007, vượt gần 70 USD so với kế hoạch năm 2008 và đạt 98% so

với mục tiêu kế hoạch 2006-2010 về GDP bình quân đầu người được Quốc hội phê duyệt. Tuy vậy nước ta vẫn còn chưa thoát khỏi nhóm những nước có thu nhập thấp. Lạm phát cao và suy giảm kinh tế năm 2008 đã tác động mạnh đến mức sống dân cư. Bị tác động mạnh nhất trước hết là đội ngũ những người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực như vật liệu xây dựng, may mặc, giấy da... Tiếp theo là nhóm những người làm công ăn lương không được trợ cấp lạm phát, những người làm công ăn lương thu nhập thấp, cán bộ hưu trí...

10. Chính sách điều hành của Chính phủ

Tình hình năm 2008 có những biến động bất lợi. Những tháng đầu năm lạm phát tăng cao. Chính phủ đã đưa ra các giải pháp kiềm chế lạm phát. Những tháng cuối năm, trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, nền kinh tế có nguy cơ giảm phát, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế. Tuy nhiên trong công tác quản lý, điều hành của Chính phủ còn có một số bất cập chủ yếu về điều hành - tài chính và tiền tệ; chính sách quản lý đầu tư; vấn đề ổn định vĩ mô; các nhóm giải pháp chống suy giảm kinh tế; đảm bảo an sinh xã hội và yếu kém trong công tác dự báo và thông tin thị trường. □

¹ *Biên độ giao động lớn nhất chỉ số CPI theo tháng là các mức: 4.32 (năm 2008); 3.7% (1995); 3.2% (1996); 3% (các năm 1998, 2003, 2004).*

² *Tốc độ tăng trưởng thế giới trong quý II/2008 giảm xuống mức thấp nhất trong 6 năm qua (Viện Nghiên cứu Kinh tế Ifo).*